

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày 12 - 01 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;
2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 12/01/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Võ Phi B, sinh năm 1977 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu ph, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; Nơi ở hiện tại: ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn P và bà Lê Thị H; có vợ Vũ Thị T và 05 con; tiền án: Bản án số 120/2012/HSPT ngày 31/7/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây N áp dụng điểm a, h khoản 1 Điều 104; điểm p, h khoản 1, 2 Điều 46, 20 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Phi B 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/4/2012 đã chấp hành xong chưa được xóa án tích; Bản án số 155/2015/HSPT ngày 25/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây N áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm đ khoản 2 Điều 123; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Phi B 05 (năm) tù về tội “Cướp tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt bị cáo Võ Phi B phải chịu hình phạt chung là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 23/11/2014 đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 23/9/2019 chưa được xóa án tích; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ

từ ngày 03/7/2022 đến ngày 12/7/2022 chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
2. Anh Sầm Tấn T, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp Mt, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
3. Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp Thanh T, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
4. Anh Liễu Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp Xóm T, xã Tân P, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
5. Anh Lại Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp Xóm T, xã Tân P, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
6. Anh Hồ Hải Quốc G, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp Thanh H, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
7. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp , xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
8. Anh Võ Hòa Hạp, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp 2, xã Trà Vong, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
9. Anh Lâm Hoàng Hải Đ, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
10. Anh Trần Văn H, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp M, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
11. Anh Bùi Hoàng A, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
12. Anh Hồng Văn N, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp Thanh A, xã Mỏ C huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
13. Anh Võ Văn T, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
14. Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp Thanh T, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
15. Chị Lê Diễm T, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
16. Anh Lý Hòa B, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp D, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;
17. Anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp Thanh T, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

18. Anh Cao Văn T, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

19. Anh Nguyễn Triều P, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp M, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

20. Chị Lê Thị H, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

21. Anh Phạm Phú Q, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp Gò Đ, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

22. Chị Nguyễn Thị Thiên N, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

23. Anh Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

24. Chị Tống Kim H, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp M, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

25. Anh Hà Minh B, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

26. Anh Trương Minh T, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

27. Anh Dương Chí C, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp Hòa Đ, xã Hòa H, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

28. Anh Võ Thiện T, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp Thanh T, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

29. Anh Mai Trọng N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp Thanh T, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

30. Chị Phạm Thị Thanh N, sinh năm 1998; nơi cư trú: ấp Thanh T, xã Thanh B, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

31. Anh Lê Thành V, sinh năm 1990; nơi cư trú: khu phố, thị trấn Tân B, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

32. Anh Phạm N, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

33. Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 2002; nơi cư trú: ấp Thanh T, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

34. Anh Trần Minh T, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

35. Anh Nguyễn Bé T, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

36. Anh Nguyễn Hoài Thanh, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp 4, xã Trà Vong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

37. Chị Trần Thị Bé C, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

38. Anh Võ Văn H, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

39. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

40. Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định nên khoảng tháng 4 năm 2020, Võ Phi B hỏi mượn vốn của cha mẹ ruột B là ông Võ Văn P, sinh năm 1947 và bà Lê Thị H, sinh năm 1949 cùng ngụ ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh nói là làm vốn để mua xe mô tô cũ về sửa chữa, tân trang bán lại kiếm lời thì ông P, bà H đồng ý và ủy quyền cho B sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay ngân hàng số tiền 250.000.000 đồng. Trong quá trình mua bán xe mô tô cũ, B đã dùng số tiền này để cho những người dân trên địa bàn huyện Tân Biên mượn với hình thức “vay tiền đứng”, số tiền lãi phải tính từng ngày và đóng lãi định kỳ.

Những người vay tiền thì trực tiếp gặp B hoặc điện thoại cho B để thỏa thuận số tiền vay, lãi suất. Tùy theo độ tin tưởng của những người vay tiền mà B sẽ lấy lãi suất khác nhau và nhiều trường hợp người vay tiền phải thế chấp tài sản là xe mô tô để đảm bảo tiền vay. B thu lãi theo định kỳ không bao gồm tiền gốc, cứ 10 ngày thu tiền lãi một lần, cứ vay 1.000.000 đồng B lấy lãi từ 3.000 đồng đến 10.000 đồng/1 ngày, tương đương 0,3%/ngày đến 1%/ngày (109,5%/năm đến 365%/năm). Sau khi thỏa thuận tiền lãi xong với người vay, B trực tiếp đưa tiền, giữ tài sản và ghi vào sổ hoặc có trường hợp Bảo không có ở nhà thì nhờ ông Võ Văn P đưa tiền và ghi giấy sau đó về đưa lại cho Bảo, khi nhờ ông Phi, Bảo chỉ nói cho vay với lãi suất thấp.

Vào lúc 11 giờ 40 phút, ngày 03/7/2022 trong khi B đang thu tiền lãi của người dân thì bị Công an huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang thu giữ 01 tờ giấy tập học sinh ghi danh sách tên người vay tiền và tiến hành khám xét khẩn cấp nhà của B thu giữ 03 quyển sổ ghi chép hoạt động vay và nhiều xe mô tô có liên quan.

Quá trình điều tra, xác định B cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm) tổng cộng người, cụ thể như sau:

1. Nguyễn Văn B (Phi L), sinh năm 1970, ngụ ấp, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh thế chấp xe mô tô loại Winner, biển số 70D1-733.33 để vay của B 03 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/ngày (255,5%/năm). Tổng số tiền lãi mà B đã trả cho B là 14.000.000 đồng, so với quy định thì B thu lợi bất chính 12.900.000 đồng. Đến nay, B còn nợ B 25.000.000 đồng.

2. Sầm Tấn T, sinh năm 1976, ngụ ấp M, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 03 lần với tổng số tiền 11.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà T đã trả cho B là 11.100.000 đồng, B thu lợi bất chính 10.489.500 đồng. Đến nay, T đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

3. Nguyễn Quốc T (Vĩ ấp), sinh năm 1976, ngụ ấp Thanh T, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 20.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày (182,5%/năm). Tổng số tiền lãi mà T đã trả cho B là 300.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 267.000 đồng. Đến nay, T đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

4. Liễu Văn Th, sinh năm 1991, ngụ ấp Xóm T, xã Tân Ph, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh thế chấp 01 xe mô tô loại Dream, biển số 70S2-3078 để vay của B 04 lần với tổng số tiền 29.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà T đã trả cho B là 2.900.000 đồng, B thu lợi bất chính 2.740.500 đồng. Đến nay, Th còn nợ B 1.000.000 đồng.

5. Lại Văn T, sinh năm 1991, ngụ ấp Xóm T, xã Tân P, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 5.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà T đã trả cho B là 1.000.000 đồng, B thu lợi bất chính 945.000 đồng. Đến nay, T đã trả xong tiền lãi và tiền gốc. Ngoài ra, ngày 01/7/2022, T vay của B số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất như trên nhưng đến ngày 03/7/2022, B bị bắt, đến nay T chưa trả gốc và lãi cho B.

6. Hồ Hải Quốc G (B), sinh năm 1988, ngụ ấp Thanh H, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 02 lần với tổng số tiền 33.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày (182,5%/năm). Tổng số tiền lãi mà G đã trả cho B là 17.250.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 15.352.000 đồng. Đến nay, G còn nợ B số tiền 33.000.000 đồng.

7. Nguyễn Thành L, sinh năm 1992, ngụ ấp, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày (182,5%/năm). Tổng số tiền lãi mà L đã trả cho B là 1.000.000 đồng, B thu lợi bất chính 890.000 đồng. Đến nay, L đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

8. Võ Hòa Hạp, sinh năm 1974, ngụ ấp 2, xã Trà Vong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vay của B 03 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 0,6%/ngày (219%/năm). Tổng số tiền lãi mà Hạp đã trả cho B là 33.840.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 30.738.000 đồng. Đến nay, Hạp còn nợ B số tiền 15.000.000 đồng.

9. Lâm Hoàng Hải Đ (G), sinh năm 1989, ngụ ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 5.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày (182,5%/năm). Tổng số tiền lãi mà Đ đã trả cho B là 2.500.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 2.225.000 đồng. Đến nay, Đ còn nợ B số tiền 5.000.000 đồng.

10. Trần Văn H, sinh năm 1998, ngụ ấp M, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 04 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà H đã trả cho B là 76.600.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 72.387.000 đồng. Đến nay, H còn nợ B số tiền 15.000.000 đồng.

11. Bùi Hoàng A, sinh năm 1983, ngụ ấp Suối Ông đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 03 lần, trong đó vay 02 lần với tổng số tiền 9.000.000 đồng,

lãi suất 1%/ngày (365%/năm) và 01 lần thế chấp xe mô tô hiệu Dream Trung Quốc, biển số 70F5-6519 để vay số tiền 1.500.000 đồng, lãi suất 0,4%/ngày (162,2%/năm). Tổng số tiền lãi mà Hoàng A đã trả cho B là 9.198.980 đồng, Bảo thu lợi bất chính số tiền 8.680.230 đồng. Đến nay, Hoàng A còn nợ B số tiền 1.500.000 đồng.

12. Hồng Văn N, sinh năm 1991, ngụ ấp Thanh A, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 06 lần, trong đó, 05 lần vay tổng số tiền 160.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm) và 01 lần vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/ngày (255,5%/năm). Tổng số tiền lãi N đã trả cho B là 47.299.980 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 44.643.480 đồng. Đến nay, N còn nợ B số tiền 25.000.000 đồng.

13. Võ Văn T, sinh năm 1965, ngụ ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 06 lần với tổng số tiền 51.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/ngày (255,5%/năm). Tổng số tiền lãi mà T đã trả cho B là 10.640.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 9.804.000 đồng. Đến nay T còn nợ B số tiền 14.000.000 đồng.

14. Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1970, ngụ ấp Thanh T, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 9.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà Đ đã trả cho B là 32.850.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 31.043.250 đồng. Đến nay, Đ đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

15. Lê Diễm T, sinh năm 1994, ngụ ấp, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 06 lần với tổng số tiền 41.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà T đã trả cho B là 20.700.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 19.561.500 đồng. Đến nay, T còn nợ B là 10.000.000 đồng.

16. Lý Hòa B, sinh năm 1975, ngụ ấp D, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 02 lần với tổng số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà B đã trả cho B là 10.500.000 đồng, B thu lợi bất chính 9.922.500 đồng. Đến nay, B đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

17. Nguyễn Phước Huệ, sinh năm 1989, ngụ ấp Thanh Tân, xã Mỏ Công, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vay của B số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 0,6%/ngày (219%/năm). Tổng số tiền lãi mà Huệ đã trả cho B là 3.600.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 3.270.000 đồng. Đến nay, Huệ đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

18. Cao Văn Thương, sinh năm 1989, ngụ ấp 3, xã Trà Vong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vay của B 02 lần với tổng số tiền 17.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà Thương đã trả cho B là 5.100.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 4.819.500 đồng. Đến nay, Thương đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

19. Nguyễn Triều P, sinh năm 1987, ngụ ấp M, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 02 lần với tổng số tiền 7.500.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày (182,5%/năm). Tổng số tiền lãi mà P đã trả cho B là 375.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 333.750 đồng. Đến nay, P đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

20. Lê Thị H, sinh năm 1973, ngụ ấp, xã Tr, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 10.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/ngày (255,5%/năm). Tổng số tiền lãi mà H đã trả cho B là 700.000 đồng, B thu lợi bất chính 645.000 đồng. Đến nay, H đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

21. Phạm Phú Q, sinh năm 1987, ngụ ấp Gò Đ, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 04 lần với tổng số tiền 28.000.000 đồng, trong đó 02 lần vay với tổng số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày (182,5%/năm) và 02 lần vay với tổng số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/ngày (255,5%/năm). Tổng số tiền lãi mà Q đã trả cho B là 21.900.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 19.590.000 đồng. Đến nay, Q đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

22. Nguyễn Thị Thiên Ng (Nga Tr), sinh năm 1973, ngụ ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 4.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày (182,5%/năm). Tổng số tiền lãi mà N đã trả cho B là 1.800.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 1.602.000 đồng. Đến nay, N đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

23. Huỳnh Ngọc H (Hải 5 C), sinh năm 1975, ngụ ấp, xã Trà V huyện Tân Bn, tỉnh Tây Ninh vay của B 03 lần với tổng số tiền 22.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà H đã trả cho B là 6.600.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 6.237.000 đồng. Đến nay, H đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

24. Tống Kim H, sinh năm 1971, ngụ ấp Mt, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 5.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà H đã trả cho B là 21.300.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 20.128.500 đồng. Đến nay, H đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

25. Hà Minh B, sinh năm 1991, ngụ ấp Suối Ông Đ, xã Trà huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 6.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày (182,5%/năm). Tổng số tiền lãi mà B đã trả cho B là 3.000.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 2.670.000 đồng. Đến nay, B đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

26. Trương Minh Tr (Trúc 3 D), sinh năm 1972, ngụ ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 02 lần với tổng số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà Tr đã trả cho B là 2.500.000 đồng, B thu lợi bất chính 2.362.500 đồng. Đến nay, T còn nợ B số tiền 10.000.000 đồng.

27. Dương Chí C, sinh năm 1994, ngụ ấp Hòa Đ B, xã Hòa H, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh thế chấp 01 xe mô tô loại Yamaha Exciter, biển số 59D1-926.08 để vay của B 02 lần với tổng số tiền 12.000.000 đồng, trong đó lần đầu vay lãi suất 1%/ngày (365%/năm) và lần thứ hai vay lãi suất 0,8%/ngày (304,16%/năm). Tổng số tiền lãi mà C đã trả cho B là 1.100.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 1.034.000 đồng. Đến nay C còn nợ B số tiền 6.000.000 đồng.

28. Võ Thiện T, sinh năm 1993, ngụ ấp Thanh X, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 5.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà T đã trả cho B là 1.200.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 1.134.000 đồng. Đến nay, t đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

29. Mai Trọng Ng, sinh năm 1984, ngụ ấp Thanh T, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 03 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà Ng đã trả cho B là 24.000.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 22.680.000 đồng.

30. Phạm Thị Thanh N, sinh năm 1998, ngụ ấp Thạnh T, xã Thạnh B, huyện Tân Bì, tỉnh Tây Ninh thế chấp 01 xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 70H1-577.88 để vay của B số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà Ng đã trả cho B là 2.000.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 1.890.000 đồng. Đến nay, Ng còn nợ B số tiền 20.000.000 đồng.

31. Lê Thành V, sinh năm 1990, ngụ khu phố, thị trấn Tân B, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh thế chấp 01 xe mô tô hiệu Honda Click, biển số 70M1-8255 để vay của B số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà V đã trả cho B là 12.600.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 11.907.000 đồng. Đến nay, V còn nợ B số tiền 7.000.000 đồng.

32. Phạm Nh, sinh năm 1991, ngụ ấp Suối Ông Đ, xã Trà Vg, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh thế chấp 01 xe mô tô loại Cup, biển số 70H1-1180 để vay của B số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà đã trả cho B là 800.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 756.000 đồng. Đến nay, còn nợ B số tiền 2.000.000 đồng.

33. Huỳnh Thanh Tr, sinh năm 2002, ngụ ấp Thanh X, xã Mỏ C, huyện T Biên, tỉnh Tây Ninh thế chấp 01 xe mô tô hiệu Honda 67, biển số 63FA-1653 để vay của B 10.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày (121,66%/năm). Tổng số tiền lãi mà T đã trả cho B là 1.000.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 835.000 đồng. Đến nay, Tr còn nợ B số tiền 10.000.000 đồng.

34. Trần Minh T, sinh năm 1988, ngụ ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh thế chấp 01 xe mô tô loại Future, biển số 62T1-3264 để vay của B 10.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà T đã trả cho B là 1.000.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 954.000 đồng. Đến nay, T còn nợ B số tiền 10.000.000 đồng.

35. Nguyễn Bé T, sinh năm 1972, ngụ ấp Suối Ông Đì, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 2.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà T đã trả cho B là 200.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 189.000 đồng. Đến nay, T đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

36. Nguyễn Hoài Th, sinh năm 1996, ngụ ấp, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh thế chấp 01 xe mô tô vay của B 3.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà Th đã trả cho B là 300.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 283.500 đồng. Đến nay, T không còn nợ B do B đã bán xe của T để trừ nợ.

37. Trần Thị Bé C (Út ập), sinh năm 1984, ngụ ấp, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 02 lần với tổng số tiền 45.000.000 đồng, lãi suất 0,6%/ngày (219%/năm). Tổng số tiền lãi mà C đã trả cho B là 38.550.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 35.016.250 đồng. Đến nay, C đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

38. Võ Văn H, sinh năm 1974, ngụ ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 02 lần với tổng số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày (365%/năm). Tổng số tiền lãi mà H đã trả cho B là 2.500.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 2.362.000 đồng. Đến nay, H đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

39. Nguyễn Thị M (M s), sinh năm 1969, ngụ ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 5.00.000 đồng, lãi suất 0,8%/ngày (292%/năm). Tổng số tiền lãi mà M đã trả cho B là 14.600.000 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 13.596.250 đồng. Đến nay, M đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

Ngoài ra, Võ Phi B còn cho 06 người khác vay tiền không lấy lãi và 03 người vay lãi suất thấp gồm:

1. Nguyễn Hữu Tr (B), sinh năm 1989, ngụ ấp, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 02 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, nhưng B không lấy lãi, đến nay đã trả tiền cho B.

2. Lê Văn Ph (Ph ấp 3), sinh năm 1976, ngụ ấp, xã T, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 02 lần, tổng 12.500.000 đồng, B không lấy lãi, đến nay đã trả tiền cho B.

3. Võ Văn Đ, sinh năm 1965, ngụ ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 1.000.000 đồng, B không lấy lãi, đến nay đã trả tiền cho B.

4. Bùi Văn C, sinh năm 1986, ngụ ấp Thanh T, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 5.000.000 đồng, B không lấy lãi, đến nay đã trả tiền cho B.

5. Nguyễn Chí L, sinh năm 1985, ngụ ấp Thanh X, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 10.000.000 đồng, B không lấy lãi, đến nay vẫn còn nợ B 10.000.000 đồng.

6. Lê Phú Q, sinh năm 1989, ngụ ấp, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 30.000.000 đồng, B không lấy lãi, đến nay vẫn còn nợ B 30.000.000 đồng.

7. Huỳnh Long T, sinh năm 1982, ngụ ấp Thanh A, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 03 lần, tổng 45.000.000 đồng, mỗi lần vay khoảng 01 tuần trả cho B 200.000 đồng tiền lãi. Đến nay, T đã trả xong tiền lãi và tiền gốc.

8. Huỳnh Tấn H (Hùng 3 Chh), sinh năm 1987, ngụ ấp D, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vay của B 02 lần, tổng 30.000.000 đồng, B không đề cập tiền lãi, lần đầu vay 20.000.000 đồng, vay 03 tháng thì H trả cho B 21.500.000 đồng tiền gốc và lãi; lần thứ hai vay 10.000.000 đồng đến khi trả H trả cho B 11.000.000 đồng.

9. Trần Văn H (H 4 Th), sinh năm 1978, ngụ ấp Suối Ông Đ, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vay của B 10.000.000 đồng, lãi suất 01 tháng là 600.000 đồng, H đóng lãi 01 tháng thì trả xong tiền gốc, tiền lãi cho B.

Ngoài ra, khi khám xét nơi ở của B, Công an huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh đã lập biên bản thu giữ các giấy tờ, sổ ghi chép thông tin liên quan đến hoạt động cho vay của Võ Phi B có ghi tên nhiều người liên quan nhưng không rõ nhân thân lai lịch nên không làm việc được. Do đó không có cơ sở xử lý.

Quá trình điều tra, Võ Phi B thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

* Kết luận giám định: Tại Kết luận giám định số 1178 ngày 26/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận:

Xe mô tô tay ga nhãn hiệu YAMAHA màu đen, đầu xe màu đỏ, đã tháo bửng, biển số 70G1-013.08. Số khung và số máy bị đục xóa không xác định được số nguyên thủy.

Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Winner, màu đỏ, biển số 70D1-733.33, số khung: RLHK3718LY111921, số máy: KC34E1184821. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Vario, màu xám, biển số 70H1-577.88, số khung: MH1JM5112LK557749, số máy: JM51E1557126. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại CLick, màu trắng, biển số 70M1-8255, số khung: RLHJF180X8, số máy: JF18E-0098672. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu xám, biển số 70G1-291.16, số khung: RLCS5C6K0DY078536, số máy: không xác định. Số khung không bị đục xóa, số máy bị đục xóa không xác định được số nguyên thủy.

Xe mô tô loại BOSSCITY (Win), màu đen, biển số 70GA-039.25, số khung: RL8HCBVLFJ1000322, số máy: RL8139FMBCTSJ000322. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô hiệu WAMEM, màu đỏ đen, biển số 70P2-3606, số khung: RMWDCGNMW9H130648, số máy: VUMMWYG150FMG*9A130648*. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu bạc, biển số 63FA-1653, số khung: 50-258185, số máy: SS50E-220126. Số khung không bị đục xóa, số máy bị đục sửa không xác định được số nguyên thủy.

Xe mô tô loại Cub, màu xám, biển số: 70FX-410, số khung: C70-70438195, số máy: C70E-4013145. Số khung tự đóng, số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Nouvo, màu đen, biển số 70F3-1233, số khung: RLCN2B5206, số máy: 2B52-087525. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại Epicuro, màu đen, biển số 70L1-3456, số khung: JS1AY111100104804, số máy: G408-110380. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô loại Spacy, màu đỏ, biển số 70B1-080.78, số khung: RMDADK20151001240, số máy: DMT-1500001240. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Future, màu đen, biển số 62T1-3264, số khung: RLHJC35078Y300900, số máy: JC3TE-2400944. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu xanh, biển số 70K7-3906, đã tháo giàn áo, số khung: VMETCJ113ME411498, số máy: VMM9BD-D000783. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô loại Spacy, màu xanh, biển số 77H7-3163, số khung: *LALTCJNAX**61083244*, số máy: SDH1P52QMI-B*61313887*. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô loại Sapcy, màu đen, biển số 70L6-5679, số khung: *LALTCJP0083064925*, số máy: SDHAP52QMI-5*83002953*. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô màu xanh, biển số 70B1-402.18, số khung: 12FMGR79961, số máy: VDP1P52FMH658201. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 81FB-6082, số khung: SS50-206484, số máy: bị xóa. Số khung không bị đục xóa, số máy bị đục xóa không xác định được số nguyên thủy.

Xe mô tô loại Cub, màu xanh, biển số 70H1-1180, số khung: C70-70409496, số máy: ST70E-720273. Số khung bị đục sửa không xác định được số nguyên thủy, số máy không bị đục sửa.

Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu xanh, biển số 59D1-629.08, số khung: RLCE55P10DY250594, số máy: 55P1-250599. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, màu đen, biển số 70K1-4779, số khung: BE42D-4N115808, số máy: E412-VN115808. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Nouvo, màu đen, biển số 52Y6-5108, số khung: RLCN2B5607Y044088, số máy: 2B56-044088. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô loại Dream, màu nâu, biển số 70H6-6147, số khung: VBSPCG11X902606, số máy: 1P50FMG-3*10647293*. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô loại Dream, màu nâu, biển số 70S2-3078, số khung: SN100S*00008688*, số máy: 1P50FMG-3*10275387*. Số khung bị cắt hàn, số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô loại Dream, màu nâu, biển số 70F5-6119, số khung, số máy: bị đục xóa. Số khung và số máy bị đục xóa không xác định được số nguyên thủy.

Xe mô tô loại Spacy, màu đen, biển số 70G1-021.91, số khung: RLXJF15035Y018605, số máy: JF15E-5018702. Số khung và số máy không bị đục xóa.

Xe mô tô màu trắng, biển số 70F5-4986, số khung: 15035Y017388, số máy: JF15E-5018042. Số khung và số máy không bị đục xóa.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật: *Có bản thống kê kèm theo.*

* Kết quả kê biên tài sản: Võ Phi Bảo không có tài sản riêng có giá trị nên không tiến hành kê biên.

Bản cáo trạng số 77/CT-VKSTB, ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên đã truy tố bị cáo Võ Phi B về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát huyện Tân Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Phi B về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Phi B từ 1 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Đề nghị xử lý vật chứng vụ án của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

[2.1] Vào khoảng thời gian từ tháng 4/2020 đến ngày 03/7/2022 bị cáo Võ Phi B đã cho tổng cộng 39 người vay với tổng số tiền 875.000.000 (tám trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, với mức lãi suất từ 121,6%/ năm đến 365%/ năm, vượt gấp từ 6,06 lần đến 18,18 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự bị cáo đã bị cáo thu lợi bất chính từ số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 426.876.200 (bốn trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm nghìn) đồng. Hành vi của bị cáo Võ Phi B có đủ yếu tố cấu thành tội **“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”**, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 426.876.200 (bốn trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm nghìn) đồng nên tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Võ Phi B được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Do đó Bản cáo trạng số 77/CT-VKSTB, ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên đã truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực tiền tệ xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, bị cáo biết rõ hành vi cho vay lãi nặng của

mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì vụ lợi mà vẫn cố tình thực hiện tội phạm nên cần xử bị cáo mức án nghiêm với hành vi của bị cáo.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Trong số 39 người vay tiền của bị cáo có 05 người bị cáo thu lợi bất chính từ 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng trở lên nên bị cáo còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên, bị cáo không có nghề nghiệp, nguồn sống chính của bị cáo là từ việc cho vay lãi nặng nên bị cáo còn bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp do đó bị cáo bị áp dụng các tình tiết tăng nặng được quy định tại các điểm b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có cha là ông Võ Văn Phi nhiều năm liền được Hội người tù kháng chiến tỉnh Tây Ninh tặng giấy khen vì đã đạt thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng phong trào hội, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Hình phạt chính: căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, cần áp dụng hình phạt chính là tù có thời hạn đối bị cáo để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa loại tội phạm này.

[6] Hình phạt bổ sung: bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Xử lý vật chứng:

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với khoản tiền dùng để cho vay là 31.000.000 (ba mươi một triệu) đồng và phương tiện thực hiện hành vi phạm tội gồm 01 điện thoại di động SAMSUNG, màu xanh đen, số IMEI: 353248111107791, có gắn 01 (một) sim điện thoại số 0844206668; 01 điện thoại di động SAMSUNG, màu đen, số IMEI355085100943846, có gắn 02 (hai) sim điện thoại có số lần lượt là 0938.228.322 và 0834.252.426; 01 xe mô tô tay ga màu đen, đầu máy màu đỏ, đã tháo bửng, biển số 70G1-013.08, số máy: không xác định, số khung: không xác định, đã qua sử dụng;

* Truy tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền bị cáo đã dùng để cho vay 660.500.000 (sáu trăm sáu mươi triệu năm trăm nghìn) đồng là số tiền gốc bị cáo đã thu hồi được từ người vay;

* Truy tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoản tiền lãi vượt quá 20%/ năm mà bị cáo đã thu của người vay là 426.876.000 (bốn trăm hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng (làm tròn);

* Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao nộp lại số tiền vay nợ gốc còn nợ lại là 214.500.000 (hai trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng để sung quỹ Nhà nước cụ thể:

- + Anh Nguyễn Văn B (Phi L) số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng;
- + Anh Liễu Văn Th số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng;
- + Anh Lại Văn T số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng;
- + Anh Hồ Hải Quốc G (B) số tiền 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng;
- + Anh Võ Hòa H số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng;
- + Anh Lâm Hoàng Hải Đ (Gsố tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng;
- + Anh Trần Văn H số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng;
- + Anh Bùi Hoàng A số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng;
- + Anh Hồng Văn N số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng;
- + Anh Võ Văn Th số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng;
- + Chị Lê Diễm T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng;
- + Anh Trương Minh Tr (Tr 3 D) số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng;
- + Anh Dương Chí C số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng;
- + Chị Phạm Thị Thanh N số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng;
- + Anh Lê Thành V số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng;
- + Anh Phạm Như số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng;
- + Anh Huỳnh Thanh T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng;
- + Anh Trần Minh T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

* Buộc bị cáo trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khoản tiền lãi 20%/năm mà bị cáo thực tế đã thu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm:

- + Trả cho anh Nguyễn Văn B số tiền 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Sầm Tấn Tr số tiền 610.000 (sáu trăm mười nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Nguyễn Quốc T số tiền 33.000 (ba mươi ba nghìn) đồng;
- + Trả lại cho anh Liễu Văn Th số tiền 159.000 (một trăm năm mươi chín nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Lại Văn Ti số tiền 55.000 (năm mươi lăm nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Hồ Hải Quốc Gi số tiền 1.897.000 (một triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Nguyễn Thành L số tiền 110.000 (một trăm mười nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Võ Hòa H số tiền 3.102.000 (ba triệu một trăm lẻ hai nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Lâm Hoàng Hải Đ số tiền 275.000 (hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng;

- + Trả cho anh Trần Văn H số tiền 4.213.000 (bốn triệu hai trăm mười ba nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Bùi Hoàng A số tiền 519.000 (năm trăm mười chín triệu) đồng;
- + Trả cho anh Hồng Văn N số tiền 2.656.000 (hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Võ Văn T số tiền 836.000 (tám trăm ba mươi sáu nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Huỳnh Văn Đ số tiền 1.806.000 (một triệu tám trăm lẻ sáu nghìn) đồng;
- + Trả cho chị Lê Diễm T số tiền 1.138.000 (một triệu một trăm ba mươi tám nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Lý Hòa B số tiền 577.000 (năm trăm bảy mươi bảy triệu) đồng;
- + Trả cho anh Nguyễn Phước H số tiền 330.000 (ba trăm ba mươi nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Cao Văn T số tiền 280.000 (hai trăm tám mươi nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Nguyễn Triều P số tiền 41.000 (bốn mươi một nghìn) đồng;
- + Trả cho chị Lê Thị H số tiền 55.000 (năm mươi lăm nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Phạm Phú Q số tiền 2.310.000 (hai triệu ba trăm mười nghìn) đồng;
- + Trả cho chị Nguyễn Thị Thiên N số tiền 198.000 (một trăm chín mươi tám nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Huỳnh Ngọc H số tiền 363.000 (ba trăm sáu mươi ba nghìn) đồng;
- + Trả cho chị Tống Kim H số tiền 1.171.000 (một triệu một trăm bảy mươi một nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Hà Minh B số tiền 330.000 (ba trăm ba mươi nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Trương Minh Tr số tiền 137.000 (một trăm ba mươi bảy nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Dương Chí Cg số tiền 66.000 (sáu mươi sáu nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Võ Thiện T số tiền 66.000 (sáu mươi sáu nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Mai Trọng Ng số tiền 1.320.000 (một triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng;
- + Trả cho chị Phạm Thị Thanh N số tiền 110.000 (một trăm mười nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Lê Thành V số tiền 693.000 (sáu trăm chín mươi ba nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Phạm Nh số tiền 44.000 (bốn mươi bốn nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Huỳnh Thanh Tr số tiền 165.000 (một trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng;

- + Trả cho anh Trần Minh T số tiền 55.000 (năm mươi lăm nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Nguyễn Bé T số tiền 11.000 (mười một nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Nguyễn Hoài T số tiền 16.000 (mười sáu nghìn) đồng;
- + Trả cho chị Trần Thị Bé C số tiền 3.533.000 (ba triệu năm trăm ba mươi ba nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Võ Văn H số tiền 137.000 (một trăm ba mươi bảy nghìn) đồng;
- + Trả cho chị Nguyễn Thị M số tiền 1.003.000 (một triệu không trăm lẻ ba nghìn) đồng;

* Tuyên trả lại cho bị cáo các tài sản không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án gồm:

+ 01 (một) xe mô tô tay ga màu trắng không rõ nhãn hiệu, biển số: 70F5 – 4986, số máy: JF15E-5018042, số khung: không xác định, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 00440516 mang tên Hà Thị Phương Th;

+ 01 (một) xe mô tô loại SPACY, màu đen, biển số: 70G1-021.91, số máy: JF15E-5018702, số khung: RLXJF15035Y01605 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001912 mang tên Nguyễn Võ Quốc B;

+ 01 (một) xe mô tô loại SDH125T22A (Spacy), màu xám, biển số: 77H7-3163, số máy: SDH1P52QMIB*61313887, số khung: *LALTCJNAX**61083244* và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0035964 mang tên Nguyễn Thị H;

+ 01 (một) xe mô tô loại BOSSCITY (Win), màu đen, biển số: 70GA – 039.25, số máy: RL8L39FMBCTSJ000322, số khung: RL8HCBVLFJ1000322 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 042039 mang tên Nguyễn Hồng Ngọc T;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu xám, biển số 70G1-291.16, số máy: không xác định, số khung: RLCS5C6K0DY078536 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 031218 mang tên Trần Văn T;

+ 01 (một) xe mô tô loại FUMA125 (Spacy), biển số: 70L6-5679, số máy: SDH1P52QMI-5*83002953*, số khung: LALTCJP0083064925;

+ 01 (một) xe mô tô loại DREAM Trung Quốc, màu nâu, biển số: 70H6-6147, số máy: 1P50FMG-3*10647293*, số khung: VBSPCG11X902606 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0022756 mang tên Trần Th;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, màu đen, biển số: 70K1-4779, số máy: E412-VN115808, số khung: BE42D-VN115808 và 01 giấy chứng nhận xe mô tô số 0040092, mang tên Lê Hữu P;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe tay côn, màu đen, biển số: 81FB-6082, số máy: bị xóa, số khung: SS50-206484;

+ 01 (một) xe mô tô loại MSX125, màu xanh đen, biển số: 70B1-402.18, số máy: VDP1P52FMH658201, số khung: 125MFGR79961 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 04584 mang tên Dương Văn A;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM, xe tay ga, đã tháo giàn áo, biển số 70K7-3906, số máy: VMM9BD-D000783, số khung: VMETCJ113ME411498 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0119993 mang tên Lâm Mai Y;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu WAMEM, màu đỏ đen, biển số: 70P2-3606, số máy VUMMWYG150FMG*9A130648*, số khung: RMWDCGNMW9H130648 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000875 mang tên Phan Thị Bảo Ph;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại EPICURO, màu xám, biển số: 70L1-3456, số máy: G408-110380, số khung: JS1AY111100104804 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0066160 mang tên Hà Văn Tr

+ 01 (một) xe mô tô tay ga nhãn hiệu UNION (loại Spacy), màu đỏ, biển số 70B1-080.78, số máy: VDMT-1500001240, số khung: RMDADK20151001240;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại NOUVO, màu đen xám, biển số: 70F3-1233, số máy: 2B52-087525, số khung: RLCN2B5206Y-087525;

+ 01 (một) xe mô tô loại CUB, màu xám, biển số 70FZ-410, số máy: C70E4013145, số khung: C70-70438195;

* Trả lại cho anh Dương Chí Công 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER, màu xanh, biển số: 59D1-629.08, số máy: 55P1250599, số khung: RLCE55P10DY250594 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 073494 mang tên Trần Văn Th;

* Trả lại cho anh Phạm Như Ý 01 (một) xe mô tô loại CUB, màu xám, biển số: 70H1-1180, số máy: ST70E-720273, số khung: C70-70409496 (bị đục sửa) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0008973 mang tên Võ Thị C;

* Trả lại cho anh Trần Minh Tở 01 (một) xe mô tô loại FUTURE NEO Trung Quốc, màu xanh đen, biển số: 62T1-3264, số máy: JC35E-2400944, số khung: RLHJC35078Y300900;

* Trả lại cho anh Huỳnh Thanh Tr 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu đen bạc, biển số: 63FA-1653, số máy: SS50E220126 (bị đục sửa), số khung: SS50-258185 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0000829 mang tên Phạm Ngọc L;

* Trả lại cho anh Lê Thành V 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại CLICK, màu trắng, biển số: 70M1-8255, số máy: JF18E-0098672, số khung: RLHJF180X8Y0022176 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 004996 mang tên Nguyễn Thị Thùy D;

* Trả lại cho chị Phạm Thị Thanh N 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại VARIO, màu xám, biển số: 70H1-577.88, số máy JM51E1557126, số khung: MH1JM5112LK557749;

* Trả lại cho anh Nguyễn Văn B 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WINNERX, màu đỏ, biển số: 70D1-733.33, số máy: KC34E1184821, số khung: RLHKC3718LY111921;

* Trả lại cho anh Nguyễn Minh Đ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại NOUVO, màu đen, biển số: 52Y6-5108, số máy: 2B56-044088, số khung: RLCN2B5607Y044088;

* Trả lại cho anh Liễu Văn T 01 (một) xe mô tô loại DREAM Trung Quốc, màu nâu, biển số: 70S2-3078; số máy: 1P50FMG-3*10275387*, số khung: SN100S*00008688*;

* Trả lại cho anh Bùi Hoàng A 01 (một) xe mô tô loại DREAM Trung Quốc, màu nâu, biển số: 70F5-6519; số máy: bị xóa; số khung: bị xóa;

[8] Bị cáo Võ Phi B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.576.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Phi B phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm b, g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Phi B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 03/7/2022;

2. Xử lý vật chứng: căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

* Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền Việt Nam 31.000.000 (ba mươi một triệu) đồng; 01 điện thoại di động SAMSUNG, màu xanh đen, số IMEI: 353248111107791, có gắn 01 (một) sim điện thoại số 0844206668; 01 điện thoại di động SAMSUNG, màu đen, số IMEI355085100943846, có gắn 02 (hai) sim điện thoại có số lần lượt là 0938.228.322 và 0834.252.426; 01 xe mô tô tay ga màu đen, đầu máy màu đỏ, đã tháo bửng, biển số 70G1-013.08, số máy: không xác định, số khung: không xác định, đã qua sử dụng;

* Truy tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền bị cáo đã dùng để cho vay 660.500.000 (sáu trăm sáu mươi triệu năm trăm nghìn) đồng;

* Truy tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoản tiền lãi vượt quá 20%/ năm mà bị cáo đã thu của người vay là 426.876.000 (bốn trăm hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng (làm tròn);

* Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao nộp lại số tiền vay nợ gốc còn nợ lại là 214.500.000 (hai trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng để sung ngân sách Nhà nước cụ thể:

+ Anh Nguyễn Văn B (Phi L) số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng;

+ Anh Liễu Văn Th số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng;

- + Anh Lại Văn T số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng;
- + Anh Hồ Hải Quốc G (Bn) số tiền 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng;
- + Anh Võ Hòa H số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng;
- + Anh Lâm Hoàng Hải Đ (Gg) số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng;
- + Anh Trần Văn Hn số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng;
- + Anh Bùi Hoàng A số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng;
- + Anh Hồng Văn N số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng;
- + Anh Võ Văn T số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng;
- + Chị Lê Diễm T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng;
- + Anh Trương Minh T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng;
- + Anh Dương Chí Csố tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng;
- + Chị Phạm Thị Thanh N số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng;
- + Anh Lê Thành V số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng;
- + Anh Phạm Nsố tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng;
- + Anh Huỳnh Thanh Tr số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng;
- + Anh Trần Minh T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

* Buộc bị cáo trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khoản tiền lãi 20%/năm 31.520.000 (ba mươi một triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng gồm:

- + Trả cho anh Nguyễn Văn Bsố tiền 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Sầm Tấn T số tiền 610.000 (sáu trăm mười nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Nguyễn Quốc T số tiền 33.000 (ba mươi ba nghìn) đồng;
- + Trả lại cho anh Liễu Văn T số tiền 159.000 (một trăm năm mươi chín nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Lại Văn T số tiền 55.000 (năm mươi lăm nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Hồ Hải Quốc G số tiền 1.897.000 (một triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Nguyễn Thành L số tiền 110.000 (một trăm mười nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Võ Hòa H số tiền 3.102.000 (ba triệu một trăm lẻ hai nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Lâm Hoàng Hải Đ số tiền 275.000 (hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Trần Văn Hsố tiền 4.213.000 (bốn triệu hai trăm mười ba nghìn) đồng;

- + Trả cho anh Bùi Hoàng A số tiền 519.000 (năm trăm mười chín triệu) đồng;
- + Trả cho anh Hồng Văn N số tiền 2.656.000 (hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Võ Văn T số tiền 836.000 (tám trăm ba mươi sáu nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Huỳnh Văn Đ số tiền 1.806.000 (một triệu tám trăm lẻ sáu nghìn) đồng;
- + Trả cho chị Lê Diễm T số tiền 1.138.000 (một triệu một trăm ba mươi tám nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Lý Hòa B số tiền 577.000 (năm trăm bảy mươi bảy triệu) đồng;
- + Trả cho anh Nguyễn Phước H số tiền 330.000 (ba trăm ba mươi nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Cao Văn T số tiền 280.000 (hai trăm tám mươi nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Nguyễn Triều P số tiền 41.000 (bốn mươi một nghìn) đồng;
- + Trả cho chị Lê Thị H số tiền 55.000 (năm mươi lăm nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Phạm Phú Q số tiền 2.310.000 (hai triệu ba trăm mười nghìn) đồng;
- + Trả cho chị Nguyễn Thị Thiên N số tiền 198.000 (một trăm chín mươi tám nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Huỳnh Ngọc H số tiền 363.000 (ba trăm sáu mươi ba nghìn) đồng;
- + Trả cho chị Tống Kim H số tiền 1.171.000 (một triệu một trăm bảy mươi một nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Hà Minh B số tiền 330.000 (ba trăm ba mươi nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Trương Minh Tr số tiền 137.000 (một trăm ba mươi bảy nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Dương Chí C số tiền 66.000 (sáu mươi sáu nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Võ Thiện T số tiền 66.000 (sáu mươi sáu nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Mai Trọng N số tiền 1.320.000 (một triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng;
- + Trả cho chị Phạm Thị Thanh N số tiền 110.000 (một trăm mười nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Lê Thành V số tiền 693.000 (sáu trăm chín mươi ba nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Phạm Như số tiền 44.000 (bốn mươi bốn nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Huỳnh Thanh T số tiền 165.000 (một trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Trần Minh T số tiền 55.000 (năm mươi lăm nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Nguyễn Bé T số tiền 11.000 (mười một nghìn) đồng;

- + Trả cho anh Nguyễn Hoài T số tiền 16.000 (mười sáu nghìn) đồng;
- + Trả cho chị Trần Thị Bé C số tiền 3.533.000 (ba triệu năm trăm ba mươi ba nghìn) đồng;
- + Trả cho anh Võ Văn H số tiền 137.000 (một trăm ba mươi bảy nghìn) đồng;
- + Trả cho chị Nguyễn Thị M số tiền 1.003.000 (một triệu không trăm lẻ ba nghìn) đồng.

* Tuyên trả lại cho bị cáo các tài sản không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án gồm:

+ 01 (một) xe mô tô tay ga màu trắng không rõ nhãn hiệu, biển số: 70F5 – 4986, số máy: JF15E-5018042, số khung: không xác định, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 00440516 mang tên Hà Thị Phương T;

+ 01 (một) xe mô tô loại SPACY, màu đen, biển số: 70G1-021.91, số máy: JF15E-5018702, số khung: RLXJF15035Y01605 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001912 mang tên Nguyễn Võ Quốc B;

+ 01 (một) xe mô tô loại SDH125T22A (Spacy), màu xám, biển số: 77H7-3163, số máy: SDH1P52QMIB*61313887, số khung: *LALTCJNAX**61083244* và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0035964 mang tên Nguyễn Thị H;

+ 01 (một) xe mô tô loại BOSSCITY (Win), màu đen, biển số: 70GA – 039.25, số máy: RL8L39FMBCTSJ000322, số khung: RL8HCBVLFJ1000322 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 042039 mang tên Nguyễn Hồng Ngọc T;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu xám, biển số 70G1-291.16, số máy: không xác định, số khung: RLCS5C6K0DY078536 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 031218 mang tên Trần Văn T;

+ 01 (một) xe mô tô loại FUMA125 (Spacy), biển số: 70L6-5679, số máy: SDH1P52QMI-5*83002953*, số khung: LALTCJP0083064925;

+ 01 (một) xe mô tô loại DREAM Trung Quốc, màu nâu, biển số: 70H6-6147, số máy: 1P50FMG-3*10647293*, số khung: VBSPCG11X902606 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0022756 mang tên Trần Thị Ú;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, màu đen, biển số: 70K1-4779, số máy: E412-VN115808, số khung: BE42D-VN115808 và 01 giấy chứng nhận xe mô tô số 0040092, mang tên Lê Hữu Ph;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe tay côn, màu đen, biển số: 81FB-6082, số máy: bị xóa, số khung: SS50-206484;

+ 01 (một) xe mô tô loại MSX125, màu xanh đen, biển số: 70B1-402.18, số máy: VDP1P52FMH658201, số khung: 125MFGR79961 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 04584 mang tên Dương Văn A;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM, xe tay ga, đã tháo giàn áo, biển số 70K7-3906, số máy: VMM9BD-D000783, số khung: VMETCJ113ME411498 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0119993 mang tên Lâm Mai Y;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu WAMEM, màu đỏ đen, biển số: 70P2-3606, số máy VUMMWYG150FMG*9A130648*, số khung: RMWDCGNMW9H130648 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000875 mang tên Phan Thị Bảo Ph;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại EPICURO, màu xám, biển số: 70L1-3456, số máy: G408-110380, số khung: JS1AY111100104804 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0066160 mang tên Hà Văn T

+ 01 (một) xe mô tô tay ga nhãn hiệu UNION (loại Spacy), màu đỏ, biển số 70B1-080.78, số máy: VDMT-1500001240, số khung: RMDADK20151001240;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại NOUVO, màu đen xám, biển số: 70F3-1233, số máy: 2B52-087525, số khung: RLCN2B5206Y-087525;

+ 01 (một) xe mô tô loại CUB, màu xám, biển số 70FZ-410, số máy: C70E4013145, số khung: C70-70438195;

* Trả lại cho anh Dương Chí C 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER, màu xanh, biển số: 59D1-629.08, số máy: 55P1250599, số khung: RLCE55P10DY250594 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 073494 mang tên Trần Văn Th;

* Trả lại cho anh Phạm N 01 (một) xe mô tô loại CUB, màu xám, biển số: 70H1-1180, số máy: ST70E-720273, số khung: C70-70409496 (bị đục sửa) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0008973 mang tên Võ Thị C;

* Trả lại cho anh Trần Minh T 01 (một) xe mô tô loại FUTURE NEO Trung Quốc, màu xanh đen, biển số: 62T1-3264, số máy: JC35E-2400944, số khung: RLHJC35078Y300900;

* Trả lại cho anh Huỳnh Thanh T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu đen bạc, biển số: 63FA-1653, số máy: SS50E220126 (bị đục sửa), số khung: SS50-258185 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0000829 mang tên Phạm Ngọc L;

* Trả lại cho anh Lê Thành V 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại CLICK, màu trắng, biển số: 70M1-8255, số máy: JF18E-0098672, số khung: RLHJF180X8Y0022176 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 004996 mang tên Nguyễn Thị Thùy D;

* Trả lại cho chị Phạm Thị Thanh N 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại VARIO, màu xám, biển số: 70H1-577.88, số máy JM51E1557126, số khung: MH1JM5112LK557749;

* Trả lại cho anh Nguyễn Văn B 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WINNERX, màu đỏ, biển số: 70D1-733.33, số máy: KC34E1184821, số khung: RLHKC3718LY111921;

* Trả lại cho anh Nguyễn Minh Đ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại NOUVO, màu đen, biển số: 52Y6-5108, số máy: 2B56-044088, số khung: RLCN2B5607Y044088;

* Trả lại cho anh Liễu Văn Th 01 (một) xe mô tô loại DREAM Trung Quốc, màu nâu, biển số: 70S2-3078; số máy: 1P50FMG-3*10275387*, số khung: SN100S*00008688*;

* Trả lại cho anh Bùi Hoàng A 01 (một) xe mô tô loại DREAM Trung Quốc, màu nâu, biển số: 70F5-6519; số máy: bị xóa; số khung: bị xóa;

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 21/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Võ Phi B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.576.000 (một triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng KTNV.TAT
- Sở tư pháp TN;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Đội điều tra công an huyện Tân Biên;
- Nhà tạm giữ công an huyện Tân Biên;
- Văn phòng công an huyện Tân Biên;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu THAHS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Nam

- Lưu tập án; N^2 .